TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2023/HSST
Ngày 14 - 9 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Đào.

Bà Trịnh Lan Anh.

Ông Lê Bắc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 148/2023/TLST- HS ngày 07/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2023/QĐXXST- HS ngày 16/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Dương Đức N, sinh ngày 30/11/1978 tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: PBT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Dương Văn T, con bà Đinh Thị N; bị cáo có vợ là Lê Ngọc Lam G, bị cáo chưa có con. Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 116/1996/HSST ngày 24/5/1996 của TAND tỉnh Hà Nam xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội Hiếp dâm. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 153/2000/HSST ngày 04/10/2000 của TAND tỉnh Nam Định xử phạt bị cáo 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2003/HSST ngày 25/3/2003 của TAND thành phố Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 228/2007/HSST ngày 26/7/2007 của TAND tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2012/HSPT ngày 10/02/2012 của TAND tỉnh Nam Định xử phạt 08 năm 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tiền sự: Ngày 11/11/2021, bị Công an tỉnh Nam Định xử phạt hành chính 15.000.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ. Bị cáo bị bắt tạm

giữ, tạm giam trong vụ án này kể từ ngày 14/7/2022 cho đến nay "có mặt".

2. Lê Anh T, sinh ngày 11/5/1978 tại huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: PHC, quận HĐ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lê Minh T, con bà Trần Thị N; có vợ là Hà Minh X (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2005. Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2006/HSST ngày 26/01/2006 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, xử phạt 03 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội là 11 năm tù (bị cáo chưa thực hiện bồi thường dân sự số tiền 440.000.000 đồng cho bị hại và nguyên đơn dân sự, chưa được xóa án tích). Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 22/8/2019, bị cáo bị Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án này kể từ ngày 14/7/2022 cho đến nay, "có mặt".

3. Tòng Văn C, sinh ngày 11/11/1967, tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản V, xã CĐ, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể: Không; con ông Tòng Văn Á, con bà Lò Thị H; Bị có vợ là Cà Thị T và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1993. Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 257/2009/HSST ngày 22/7/2009 của TAND Thành phố Hà Nội xử phạt 19 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Tiền sự; không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án này kể từ ngày 15/7/2022 cho đến nay, "có mặt".

4. Lò Văn H, sinh ngày 23/6/1979, tại huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản VI, xã C Đ, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn D, con bà Lò Thị I; Bị cáo có vợ là Lường Thị H (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004. Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 257/2009/HSST ngày 22/7/2009 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 18 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án này kể từ ngày 15/7/2022 cho đến nay, "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Đức N:* Ông Lò Văn Đ - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Anh T:* Ông Hoàng Trung T - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Tòng Văn C:* Ông Đàm Mạnh H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn H:* Bà Trần Bích L - Luật sư thuộc

Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 14/7/2022, tổ công tác Công an huyện Thuận Châu làm nhiệm vụ tại khu vực tiểu khu 8, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Phát hiện, bắt quả tang Dương Đức N, Lê Anh T đang có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Dương Đức N và Lê Anh T, thu giữ vật chứng:

01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa chất cục bột màu trắng (nghi là Heroine); 10 túi nilon (trong đó: 08 túi nilon màu xanh, 02 túi nilon màu hồng), bên trong các túi nilon chứa các viên nén màu hồng (nghi là Methamphetamine) N và T khai nhận là ma tuý.

Tạm giữ của Dương Đức N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; Tạm giữ của Lê Anh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, BKS 18L1 - 334.32.

Căn cứ vào lời khai của Dương Đức N và Lê Anh T, ngày 14/7/2022, Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Tòng Văn C và Lò Văn H. Tạm giữ của Tòng Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, tạm giữ của Tòng Văn C và Lò Văn H 06 triệu đồng tiền NHNN Việt Nam.

Hồi 16 giờ 00 phút ngày 14/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thuận Châu đã thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, trích mẫu trưng cầu giám định: 10 túi nilon (08 túi màu xanh, 02 túi màu hồng) bên trong chứa 1.987 viên nén màu hồng có tổng khối lượng 192,75 gam, trích lấy mỗi túi 05 viên (tổng cộng 50 viên) có khối lượng 4,81 gam làm mẫu trưng cầu giám định chất ma túy, ký hiệu N3, N5, N7, N9, N11, N13, N15, N17, N19, N21. 01 túi nilon màu hồng chứa chất cục bột màu trắng có khối lượng 74,40 gam; trích lấy 0,97 gam làm mẫu trưng cầu giám định chất ma túy, ký hiệu N1.

Tại bản kết luận giám định số: 1237/KL-KTHS ngày 15/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận: *"Mẫu gửi giám định ký hiệu N1 là ma túy, loại Heroine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,97 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu từ N3, N5, N7, N9, N11, N13, N15, N17, N19, N21 là ma túy, loại Methamphetamine. Tổng khối lượng của các mẫu gửi giám định là 4,81 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là: 74,40 gam, loại Heroine và 192,75 gam, loại Methamphetamine".*

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, quá trình điều tra các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C và Lò Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau.

Khoảng 12 giờ ngày 13/7/2022, Lê Anh T điều khiển xe máy BKS 18L1 - 334.32 từ nhà đến nhà Dương Đức N chơi. Quá trình nói chuyện, N rủ T cùng góp tiền để đi lên tỉnh Điện Biên tìm mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. T đồng ý và đưa cho N số tiền 10.000.000 đồng. N cầm số tiền T đưa và nói với T hiện tại N chỉ có 15.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng nên phải cầm cố chiếc xe máy của N để lấy thêm tiền mua ma túy. Sau đó N mang chiếc xe máy BKS 18B2 - 803.73 của N đi cầm cố được 30.000.000 đồng rồi mang số tiền trên cùng với 10.000.000 đồng của T góp trước đó nộp vào tài khoản ngân hàng MBBANK của N. Sau khi có tiền, N gọi điện cho Tòng Văn C (người quen cũ) nhờ C mua hộ 10 túi hồng phiến và 02 cây Heroine với số tiền 55.000.000 đồng, C đồng ý và bảo N chuyển tiền trước cho C, đồng thời đọc số tài khoản cho Nam. Sau đó Nam chuyển tiền vào số tài khoản mang tên "TONG VAN BUON" cho C và hẹn sáng ngày 14/7/2022 sẽ lên huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên để lấy ma túy. Khoảng 17 giờ ngày 13/7/2022, N và T đón xe khách đi từ thành phố Nam Định lên huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, có Lò Văn H đến nhà C chơi. Khi gặp H, C nói có bạn tên là N ở Nam Định nhờ mua hộ 10 túi hồng phiến và 02 cây Heroine với số tiền 55.000.000 đồng, C rủ H đi tìm mua ma túy về bán cho N, H đồng ý, C và H thống nhất đi mua ma túy hộ N 45.000.000 đồng, số tiền còn lại hai người chia nhau. Thống nhất xong, H cùng C đi đến quán nhà Tòng Văn B ở bản Chợ, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (chuyên làm dịch vụ chuyển tiền lấy phí) để rút 55.000.000 đồng số tiền N đã chuyển. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, H cùng C đi bộ đến bản XTr 2, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên để mua ma túy. Khi đi đến đầu bản XT 2, C đưa cho H 45.000.000 đồng, H cầm tiền đi một mình vào nhà vợ chồng Lường Văn C, Lường Thị T để hỏi mua 10 túi Hồng phiến và Heroine. Khi gặp nhau hai bên thỏa thuận giá 2.000.000 đồng/1 túi Hồng phiến, 12.500.000 đồng/1 cây Heroine, thỏa thuận xong H đưa cho T 45.000.000 đồng. Th cầm tiền và đi ra khỏi nhà khoảng 20 phút sau quay lại giao cho H số ma túy như đã thỏa thuận. Mua được ma túy, H cầm số ma túy quay lại chỗ C rồi cả hai cùng đi về nhà C. Về đến nhà C, H đưa cho C số ma túy vừa mua được, C chia cho H 4.500.000 đồng tiền công, H nhận tiền rồi đi về nhà. Còn C mang gói ma túy cất giấu dưới gốc cây trước cổng nhà C rồi hướng dẫn N đến trước cổng nhà C để lấy ma túy. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 14/7/2022, N và T xuống xe khách ở khu vực xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, T điều khiển xe máy BKS 18L1 - 334.32 (trước đó đã gửi theo xe khách lên cùng) chở N đi đến nhà C theo chỉ dẫn của N. Khi đến cổng nhà C lấy gói ma túy theo hướng dẫn trước đó của C rồi bảo T điều khiển xe quay về Nam Định. Khi cả hai đi đến khu vực tiểu khu

8, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thì bị tổ công tác Công an huyện Thuận Châu phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Tại bản cáo trạng số: 98/CTr-VKS-P1 ngày 01/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Dương Đức N, Tòng Văn C, Lê Anh T và Lò Văn H về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với Quyết định truy tố và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận trong quá trình điều tra.

Tranh luân tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên Quyết định truy tố và trình bày bài luận tội đối với các bị cáo Dương Đức N, Tòng Văn C, Lê Anh T, Lò Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C, Lò Văn H phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Đức N 20 (hai mươi) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Dương Đức N.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Anh T 20 (hai mươi) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Anh T.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Tòng Văn C 20 (hai mươi) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tòng Văn C.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn H 20 (hai mươi) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn H.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại của các bị cáo đã được niêm phong và vỏ gói niêm phong ban đầu.

Đề nghị tuyên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo Dương Đức N, 01 chiếc điện thoại Tòng Văn C, là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 18L1 - 334.32 thu giữ của bị cáo Lê Anh T là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng tiền NHNN Việt Nam của các bị cáo Tòng Văn C, Lò Văn H.

Đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo Dương Đức N 01 thẻ ngân hàng MBBANK mang tên Dương Đức N và trả lại cho bị cáo Lê Anh T 01 chiếc điện

thoại không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Bị cáo Dương Đức N, bị cáo Lê Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đế nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Tòng Văn C, Lò Văn H, các bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Lời bào chữa của của Luật sư Lò Văn Đ người bào chữa cho bị cáo Dương Đức N: Nhất trí với Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đã quy kết đối với bị cáo là đúng người đúng tội không oan sai; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải; bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiệu điều tra tội phạm; Bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xem xét, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Xử phạt bị cáo mức án từ 19 năm tù đến 20 năm tù và đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Lời bào chữa của của Luật sư Hoàng Trung T người bào chữa cho bị cáo Lê Anh T: Nhất trí với Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đã quy kết; Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải; bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai ra Tòng Văn C, Lò Văn H; có bố đẻ là ông Lê Minh T là thương binh, người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, Huân chương chiến sỹ giải phóng, Huân chương chiến công giải phóng hạng Nhì, Huân chương chiến công hạng Nhì; mẹ đẻ là bà Trần Thị N là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Đề nghị HĐXX xem xét vai trò phạm tội của bị cáo giúp sức cho bị cáo Dương Đức N áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xem xét, mở lượng khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị xử phạt tù đối với bị cáo mức án từ 18 năm tù đến 19 năm tù và đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Lời bào chữa của của Luật sư Đàm Mạnh H người bào chữa cho bị cáo Tòng Văn C: Nhất trí với Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đã quy kết; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xem xét, mở lượng khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất trong khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Lời bào chữa của của Luật sư Trần Bích L người bào chữa cho bị cáo Lò Văn H: Nhất trí với Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đã quy kết; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải; bị cáo có bổ đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng

thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xem xét, mở lượng khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và miễn án phí cho bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Luật sư bào chữa, xin giảm nhẹ hình phạt mức án thấp nhất trong khung hình phạt và đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Qua tranh luận và đối đáp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và quan điểm luận tội đối với các bị cáo về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo không có ý kiến đối đáp và tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên Công an huyện Thuận Châu, Công an tỉnh Sơn La, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Với mục đích mua ma túy về để sử dụng, bán lại kiếm lời và hưởng lợi từ việc mua bán trái phép chất ma túy, ngày 14/7/2022, các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T đã mua của Tòng Văn C, Lò Văn H 74,4 gam Heroin và 192,75 gam Methamphetamine (tổng khối lượng hai chất ma tuý là 267,15 gam), đang vận chuyển, cất giấu ma túy đem về thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C, Lò Văn H được chứng minh bởi những căn cứ sau:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu, lập hồi 08 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại tiểu khu 8, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đối với các bị cáo Dương Đức N và Lê Anh T cùng với vật chứng thu giữ được là 01 túi nilon màu

hồng, 10 túi nilon (bên trong có 08 túi ni lon màu xanh, 02 túi nilon màu hồng) có khối lượng là 267,15 gam ma túy.

Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp lập hồi 23 giờ 10 phút, ngày 14/7/2022 tại Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đối với Tòng Văn C; Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp lập hồi 23 giờ 20 phút, ngày 14/7/2022 tại Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đối với Lò Văn H.

Biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng hồi 14 giờ, ngày 14/7/2022 tại Công an huyện Thuận Châu, Dương Đức N đã nhận dạng được Tòng Văn C là người đã bán ma túy cho bị cáo. Biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng hồi 14 giờ 30 phút, ngày 14/7/2022 tại Công an huyện Thuận Châu, Tòng Văn C đã nhận dạng được Dương Đức N là người mua ma túy của bị cáo. Biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng hồi 19 giờ 00 phút ngày 14/7/2022 tại Công an huyện Thuận Châu, Tòng Văn C đã nhận dạng được Lò Văn H là người cùng đi bán mua ma túy với bị cáo. Biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng hồi 19 giờ 15 phút ngày 14/7/2022 tại Công an huyện Thuận Châu, Lò Văn H đã nhận dạng được Tòng Văn C là người cùng đi bán ma túy với bị cáo.

Biên bản bóc, mở niêm phong, xác định khối lượng, số lượng, lấy mẫu giám định vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 14/7/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, trích mẫu trưng cầu giám định đối với số ma túy thu giữ khi bị bắt quả tang của Dương Đức N và Lê Anh T gồm: 08 túi nilon màu xanh, 02 túi nilon màu hồng có tổng trọng lượng 192,75 gam, trích lấy mỗi túi 05 viên (tổng cộng 50 viên) có tổng trọng lượng 4,81 gam làm mẫu trưng cầu giám định chất ma tuý, ký hiệu N3, N5, N7, N9, N11, N13, N17, N19, N21. 01 túi nilon màu hồng chứa chất cục bột màu trắng có khối lượng 74,40 gam; trích lấy 0,97 gam làm mẫu trưng cầu giám định chất ma túy, ký hiệu N1.

Kết luận giám định số: 1237/KL-KTHS ngày 15/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La Kết luận: *"Mẫu gửi giám định ký hiệu N1 là ma túy, loại Heroine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,97 gam. Mẫu gửi giám định ký hiệu từ N3, N5, N7, N9, N11, N13, N15, N17, N19, N21 là ma túy, loại Methamphetamine. Tổng khối lượng của các mẫu gửi giám định là 4,81 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là: 74,40 gam, loại Heroine và 192,75 gam, loại Methamphetamine".*

Lời khai của người chứng kiến anh Bạc Cầm T, sinh năm 1957, trú tại tiểu khu , thị trấn , huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Đã xác nhận, chứng kiến Tổ công tác phát hiện, bắt quả tang đối với hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Đức N và Lê Anh T với số ma túy thu giữ gồm: 01 túi nilon màu hồng, 10 túi ni lon bên trong có chứa 08 túi màu xanh và 02 túi màu hồng bên trong là chất ma túy.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C,

Lò Văn H trong các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở, đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C, Lò Văn H phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Khung hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

Bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T đã mua bán trái phép 74,40 gam Heroine và 192,75 gam Methamphetamine (tổng khối lượng hai chất ma tuý là 267,15 gam) của Tòng Văn C, Lò Văn H với mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Đã phạm tội; Tội mua bán trái phép chất ma túy, có tình tiết định khung "*Có hai chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này*" quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, khung hình phạt tù từ hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi, vai trò phạm tội của các bị cáo:

[4.1] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán, cất giấu, vận trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do hám lợi bất chính, coi thường pháp luật vẫn cố ý thực hiện phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý; Là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[4.1] Về vai trò phạm tội của các các bị cáo:

Vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bên mua là bị cáo Dương Đức N và bị cáo Lê Anh T, bên bán là bị cáo Tòng Văn C và bị cáo Lò Văn H; Đối với bên mua, bị cáo Dương Đức N là người chủ động đề cập việc mua ma tuý với bị cáo Lê Anh T để cùng nhau góp số tiền mua ma tuý. Bị cáo Lê Anh T cùng thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, do vậy Dương Đức N là khởi xướng; Lê Anh T là đồng phạm, tiếp nhận ý chí của Dương Đức N, giúp sức tích cực và trực tiếp cùng thực hiện hành vi mua bán ma tuý; Do đó, bị cáo Dương Đức N giữ vai trò chính, bị cáo Lê Anh T đồng phạm giúp sức và cùng nhau thực hiện phạm tội. Đối với bên bán, Tòng Văn C là người rủ rê, Lò Văn H cùng thực hiện mua bán trái phép chất ma tuý; Lò Văn H là đồng phạm, tiếp nhận ý chí từ Tòng Văn C, giúp sức tích cực và trực tiếp cùng thực hiện hành vi mua bán ma tuý nhằm mục đích hưởng lợi; Tòng Văn C và Lò Văn H cùng nhau thoả thuận, bàn bạc và cùng thực hiện hành vi mua bán ma tuý. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét vai trò đồng phạm khi lượng hình đối với các

bị cáo Lê Anh T và Lò Văn H.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự:

Xét nhân thân các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C, Lò Văn H đều xuất thân từ nhân dân lao động, nhân thân các bị cáo đều có tiền án, tiền sự (chưa được xoá án tích). Bị cáo Dương Đức N, Tòng Văn C, Lò Văn H đều đã có tiền án về tội phạm ma túy (chưa được xóa án tích). Là nhân thân sấu, các bị cáo đều nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là Nhà nước cấm, coi thường pháp luật, vi phạm pháp luật. Cố tình phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều đã phạm các tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, đều đã có tiền án chưa được xoá án tích; Nay lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C, Lò Văn H đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Dương Đức N và Lê Anh T đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra, có trách nhiệm trong việc phát hiện ra Tòng Văn C và Lò Văn H nên được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Dương Đức N có ông nội là Dương Văn T là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Bị cáo Lê Anh Tuấn có bố đẻ là ông Lê Minh T là thương binh, người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sỹ giải phóng, Huân chương chiến công giải phóng hạng nhì, Huân chương chiến công hạng nhì; mẹ đẻ là bà Trần Thị N là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Các bị cáo Tòng Văn C, Lò Văn H là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn do đó được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Các bị cáo Lê Anh T, Lò Văn H phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức và trực tiếp cùng nhau thực hiện tội phạm với các bị cáo Dương Đức N và Tòng Văn C, vận dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Anh T và Lò Văn H.

Xét trình bày luận tội tại phiên toà của Viện kiểm sát, ý kiến của các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên toà xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo phần nào có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ

và dặc biệt là khối lượng ma túy. Cần lên một mức án tương xứng nghiem khắc với từng hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, biện pháp trừng trị, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C, Lò Văn H đang bị tạm giam, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian tạm giam của các bị cáo còn trên 45 ngày, Duy trì Quyết định tạm giam số: 322/2023/HSST-QĐTG ngày 07/8/2023, Quyết định tạm giam số: 323/2023/HSST-QĐTG ngày 07/8/2023, Quyết định tạm giam số: 324/2023/HSST-QĐTG ngày 07/8/2023, Quyết định tạm giam số: 325/2023/HSST-QĐTG ngày 07/8/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C, Lò Văn H còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị đều không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về nguồn gốc ma túy và các đối tượng có liên quan đến vụ án:

Đối với Lường Văn C và Lường Thị T: Theo Lò Văn H khai nhận là những người đã bán ma tuý cho bị cáo, quá trình điều điều tra vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra đã triệu tập Lường Văn C và Lường Thị T để làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Lò Văn H, nhưng C và T không thừa nhận việc được bán ma túy cho H vào ngày 13/7/2022. Ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La không thu thập được thêm tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh Cvà T là người thực hiện hành vi phạm tội, nên không đủ căn cứ để đề nghị xử lý. Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La đã sao lưu lại các tài liệu liên quan đến các đối tượng, chuyển giao Công an huyện Mường Ảng và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Điện Biên đưa vào diện quản lý, đấu tranh, xử lý khi có đủ căn cứ.

Đối với Tòng Văn B và Lò Thị S (vợ): Là chủ quán làm dịch vụ chuyển và rút tiền tại bản Chợ, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành ghi lời khai của Tòng Văn B và Lò Thị S xác định ngày 13/7/2022 vợ chồng B - S có nhận được khoản tiền 55 triệu đồng do Dương Đức N chuyển khoản và đã rút toàn bộ số tiền đó giao cho Tòng Văn C và Lò Văn H, lấy phí dịch vụ. Tòng Văn B và Lò Thị S không biết, không liên quan đến việc mua bán ma túy của các bị cáo N, C và H nên Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Sơn La không đề cập vấn đề xử lý.

Đối với Trần Văn B: Là người cho Dương Đức N cầm cố xe máy để lấy số tiền 30 triệu đồng (N sử dụng để mua ma túy). Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành ghi lời khai của Trần Văn B và xác định B không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Đức N nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La không đề cập vấn đề xử lý.

Đối với người phụ nữ tên H: Là người đã chuộc lại chiếc xe máy BKS 18B2-803.73 của Dương Đức N cầm cố tại tiệm cầm đồ Lộc Bình. Quá trình điều tra vụ án, ông Trần Văn B (chủ tiệm cầm đồ) và bị cáo Dương Đức N khai nhận không biết rõ nhân thân, địa chỉ cư trú của H nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ.

[10] Vật chứng vụ án và tài sản liên quan:

Đối với số ma túy còn lại sau khi trích mẫu giám định, thu giữ của các bị cáo; xét thấy đây là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy cùng với vỏ gói niêm phong ban đầu.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA thu giữ của bị cáo Lê Anh T xét là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu, sung nộp công quỹ nhà nước.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo Dương Đức N, 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Lê Anh T, 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Tòng Văn C. Các bị cáo đã sử dụng vào quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy đây là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu, sung nộp công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 thẻ điện thoại ATM thu giữ của bị cáo Dương Đức N, bên trong có 8.056.970 đồng là tiền do bị cáo lao động mà có và 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Lê Anh T. Hội đồng xét xử xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Lò Văn H và Tòng Văn C; Trong đó của bị cáo Tòng Văn C là 4.000.000 đồng của bị cáo Lò Văn H là 2.000.000 đồng. Đều là tiền các bị cáo hưởng lời từ việc mua bán ma tuý cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền do bán ma túy mà có của các bị cáo Tòng Văn C là 1.500.000 đồng của bị cáo Lò Văn H là 2.500.000 đồng các bị cáo đã tiêu hết cơ quan điều tra không thu giữ được. Hội đồng xét xử xét thấy là tiền do phạm tội mà có cần tuyên truy thu tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Vận dụng điểm a, điểm c Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

[11] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Dương Đức N, Lê Anh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Tòng Văn C, Lò Văn H là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Dương Đức N phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Dương Đức N 20 (hai mươi) năm tù, "thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 14/7/2022"

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Dương Đức N được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Anh T phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lê Anh T 20 (hai mươi) năm tù, "thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 14/7/2022"

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Anh T được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

3. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Tòng Văn C phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Tòng Văn C 20 (hai mươi) năm tù, "thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 15/7/2022".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tòng Văn C được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

4. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 20 (hai mươi) năm tù, "thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 15/7/2022"..

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn H được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

5. Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, điểm c Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm

a, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên xử vật chứng vụ án theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 31/7/2022 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La như sau:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) chiếc phong bì giấy màu trắng niêm phong, mặt trước ghi: "Vật chứng nhập kho vụ Dương Đức N và đồng phạm - Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 14/7/2022", bên trong gồm: 01 (một) mảnh nilon màu hồng +01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu + 08 (tám) túi nilon màu xanh + 02 (hai) túi nilon màu hồng + Chất bột cục màu trắng có khối lượng 73,43 gam ký hiệu N2 + 194 viên nén màu hồng có khối lượng 18,74 gam ký hiệu N4 +191 viên nén màu hồng có khối lượng 18,51 gam ký hiệu N6 + 193 viên nén màu hồng có khối lượng 18,67 gam ký hiệu N8 + 196 viên nén màu hồng có khối lượng 18,92 gam ký hiệu N10 + 194 viên nén màu hồng có khối lượng 18,80 gam ký hiệu N12 + 193 viên nén màu hồng có khối lượng 18,74 gam ký hiệu N14 + 195 viên nén màu hồng có khối lượng 18,87 gam ký hiệu N16+ 195 viên nén màu hồng có khối lượng 18,84 gam ký hiệu N18 + 193 viên nén màu hồng có khối lượng 19,09 gam ký hiệu all N20 + 193 viên nén màu hồng có khối lượng 18,76 gam ký hiệu N22".

- Tuyên tịch thu sung nộp công quỹ Nhà nước:

+ 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu sơn xám - đen, biển kiểm soát: 18L1-334.32, số khung: RLCUG0610GY 387783; số máy: G3D4E 406887, xe không có gương bên phải, không có chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) điện thoại di động của Dương Đức N, nhãn hiệu IPHONE, vỏ kim loại màu xám, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 0356713118016383, số IMEI 2: 0356713118210010, đã qua sử dụng cũ.

+ 01 (Một) Điện thoại di động của Dương Đức N, nhãn hiệu NOKIA, vỏ kim loại màu vàng, nắp lưng bọc da nâu, số SERIAL: 359334020065884, máy đã qua sử dụng.

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động của Tòng Văn Cn nhãn hiệu OPPO, vỏ viền kim loại màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 866787058248597, số IMEI 2: 866787058248589, máy đã qua sử dụng cũ.

+ Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) trong đó của bị cáo Toàng Văn C là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), của bị cáo Lò Văn H là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) (đã được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong).

+ Truy thu tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước số tiền do phạm tội mà có của bị cáo Toàng Văn C là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), của bị cáo Lò Văn H là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tuyên trả lại cho bị cáo Dương Đức N: 01 Thẻ Ngân hàng quân đội MBBABK, số thẻ: 4089041055159453, số ID: 66434481 mang tên Dương Đức N.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Anh T 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ kim loại màu hồng, màn hình cảm ứng, số IMEI: 355424072288437, máy đã qua sử dụng cũ.

7. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Tòng Văn C, Lò Văn H được miễn án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Dương Đức N và Lê Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, Dương Đức N, Lê Anh T, Tòng Văn C, Lò Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 14/9/2023).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Tuấn Long

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Sơn La;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Luật sư bào chữa;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.